

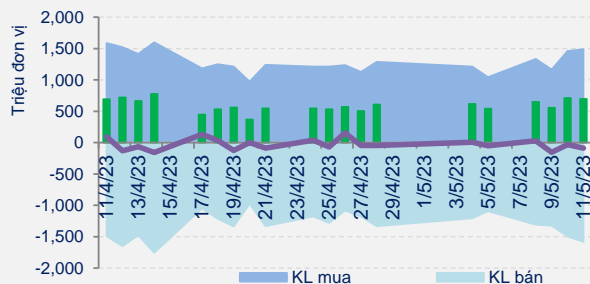
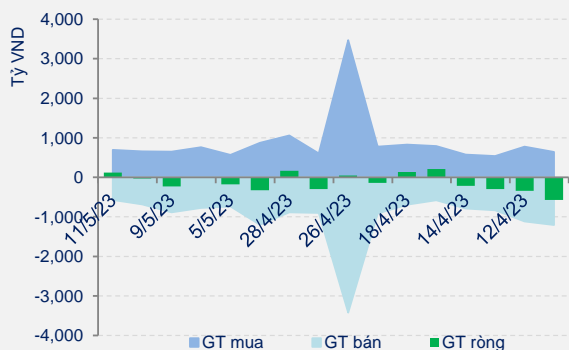
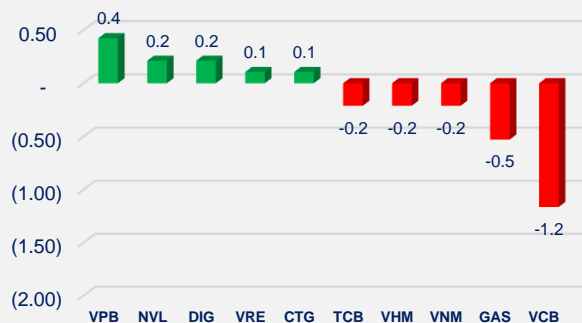
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/5/2023

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,057.12 | 214.41 |
| % Thay đổi | ↓ -0.11% | ↑ 0.24% |
| KLGD (CP) | 696,213,833 | 135,212,142 |
| GTGD (tỷ đồng) | 11,519.53 | 1,985.34 |
| Tổng cung (CP) | 1,579,130,946 | 192,127,600 |
| Tổng cầu (CP) | 1,490,862,337 | 177,158,000 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 19,643,300 | 667,678 |
| KL mua (CP) | 29,410,700 | 1,659,800 |
| GT mua (tỷ đồng) | 693.88 | 35.38 |
| GT bán (tỷ đồng) | 570.05 | 18.56 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 123.83 | 16.82 |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Dưới ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu lớn, VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh quanh vùng 1.060 điểm và kết phiên giao dịch giảm nhẹ 1,14 điểm (-0,11%) về mức 1.057,12 điểm. Độ rộng thị trường vẫn tích cực, giao dịch sôi động với 197 mã tăng điểm (19 mã tăng trần), 155 mã giảm điểm (02 mã giảm sàn) và 80 mã giá tham chiếu. HNX-INDEX duy trì tích cực tăng 0,52 điểm (0,24%) lên 214,41 điểm, độ rộng tích cực với 107 mã tăng điểm (13 mã tăng trần), 82 mã giảm điểm (05 mã giảm sàn) và 57 mã giữ giá tham chiếu. Thị trường phân hóa hơn khi nhiều mã chịu áp lực bán ngắn hạn.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 13.501,25 tỷ đồng tăng 5,02% so với phiên trước, cải thiện vượt mức trung bình thể hiện thị trường đang giao dịch sôi động trở lại. Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều phiên bán ròng liên tiếp đã mua ròng trở lại trên sàn HOSE với giá trị 123,36 tỷ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị 16,82 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng là nhân tố chính ảnh hưởng lên chỉ số VN-INDEX khi đa phần điều chỉnh giảm nhẹ như LPB (-1,42%), ABB (-1,12%), VCB (-1,09%), TCB (-0,68%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục là tâm điểm của thị trường, giao dịch với thanh khoản cải thiện tốt, tăng giá tốt như QCG (+6,97%), VPH (+6,82%), DIG (+6,79%), CEO (+5,08%), NTL (+4,85%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục có diễn biến tích cực với thanh khoản đột biến mạnh trở lại với PVT (+2,20%), PVD (+2,06%), PVP (+1,57%)... ngoài cổ phiếu GAS (-1,07%) vẫn đang chịu áp lực điều chỉnh kéo dài.

Các cổ phiếu nhóm khu công nghiệp, cao su bắt đầu chịu áp lực bán ngắn hạn, điều chỉnh sau nhiều phiên tăng giá như PHR (-1,06%), IDC (-1,00%), GVR (-0,89%), LHG (-0,73%), KBC (-0,72%)...

Nhóm cổ phiếu, đầu tư công, xây dựng phân hóa, nhiều mã tiếp tục tăng giá tốt thanh khoản gia tăng như CTD (+6,90%), BCC (+2,61%), PHC (+2,43%), PTB (+1,99%).. bên cạnh các mã điều chỉnh chịu áp lực điều chỉnh ở thanh khoản trung bình như KSB (-0,58%), FCN (-0,43%), LCG (-0,40%)...

Nhóm cổ phiếu phân bón, hóa chất sau thời gian tích lũy đang phục hồi tăng giá với thanh khoản cải thiện mạnh trở lại như DCM (+2,74%), DDV (+2,22%), BFC (+1,75%), DGC (+1,95%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2305 tăng 1 điểm (0,10%), chênh lệch tiếp tục thu hẹp xuống -3,33 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch suy giảm so với phiên trước, khối lượng mở OI kỳ hạn VN30F2305 vẫn trong xu hướng giảm và xu hướng tăng trong kỳ hạn VN30F2306. Cho thấy các vị thế đang ưu tiên kỳ hạn dài hơn, cũng như nhà đầu tư cơ dịch chuyển sang thị trường cơ sở, nơi đang có nhiều giao dịch với thanh khoản gia tăng mạnh. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2306, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ xuống còn -5,03 điểm đến -9,43 điểm cho thấy các trader bắt đầu có kỳ vọng lạc quan hơn về tăng trưởng của VN30.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/5/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay nhưng chốt phiên VN-Index vẫn nằm trên đường kháng cự của mô hình tích lũy (giờ đã trở thành đường hỗ trợ). Xét về mặt kỹ thuật, sau khi đột phá khỏi nền tảng tích lũy, xu hướng tiếp theo của VN-Index có thể kỳ vọng là một nhịp tăng giá với mục tiêu là khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm và nếu có thể vượt ngưỡng 1.150 điểm thì xu hướng uptrend mới sẽ hình thành, tuy nhiên hiện tại còn quá sớm để nhận định về một uptrend. Với những diễn biến gần đây chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng VnIndex sẽ tích cực trong thời gian tới.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay VN-Index điều chỉnh nhẹ -1,14 điểm (-0,11%) nhưng vẫn đóng cửa bên trên khu vực tích lũy. Xu hướng ngắn hạn vẫn đang duy trì ở mức tích cực và thị trường dự báo sẽ tiếp tục có diễn biến tăng giảm đan xen với mục tiêu gần là vùng kháng cự 1.070 điểm – 1.075 điểm.

Dưới góc nhìn Trung- Dài hạn VnIndex đang gần như thoát khỏi kênh tích lũy (VnIndex đã tạo thành mô hình Nêm được giới hạn bởi 2 đường xanh - đỏ trên biểu đồ) và có thể kỳ vọng một uptrend sẽ được hình thành, mặc dù giai đoạn đầu thị trường vẫn sẽ có những biến động bất thường (có nhiều điều chỉnh) tuy nhiên về tổng thể với nền tảng tích lũy kéo dài hơn 6 tháng qua và rất chặt chẽ, chúng tôi kỳ vọng VnIndex có thể thoát khỏi khu vực tích lũy kéo dài. Về vĩ mô mặc dù trạng thái nền kinh tế trong nước vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chúng ta có thể kỳ vọng xu hướng lãi suất đang giảm dần và những chính sách giải cứu nền kinh tế của Chính phủ giúp nhà đầu tư dần có niềm tin trở lại, kinh tế toàn cầu vẫn đang trong giai đoạn khó đoán định khi thị trường tin dụng Mỹ vẫn đang đối diện với rủi ro thanh khoản, tuy nhiên sự tăng tốc trở lại của Trung Quốc, Ấn độ có thể là điểm sáng giúp kinh tế toàn cầu bắt đầu hồi phục.... Do đó, chúng tôi nhận định thị trường đang chuyển đổi dần sang giai đoạn hậu tích lũy và có thể hình thành xu hướng tăng mới với mục tiêu của VN-Index là vùng 1.100 điểm – 1.150 điểm, vùng hỗ trợ trung-dài hạn của chỉ số là khu vực VnIndex 1.000 điểm - 1.050 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét gia tăng tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh (nếu có). Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục chiến lược giải ngân trong các giai đoạn giảm điểm để đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy, mục tiêu nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/5/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|
| | | | | | P/E | T.trưởng Doanh thu TTM | T.trưởng Lợi nhuận TTM | |
| VCI | 32.40 | 28-30 | 36-37 | 27 | 26.9 | -37.3% | -82.5% | Theo dõi chờ giải ngân |
| QNS | 44.30 | 42-44.6 | 50-52 | 39 | 11.1 | 17.4% | 80.1% | Theo dõi chờ giải ngân |
| PVP | 12.90 | 12-13 | 18-18.5 | 11 | 4.8 | -0.9% | 222.8% | Theo dõi chờ giải ngân |
| TNG | 19.40 | 18.5-19.3 | 22.5-23 | 16 | 6.7 | 5.9% | 13.7% | Theo dõi chờ giải ngân |
| DPR | 53.30 | 52-54.5 | 65-67 | 50 | 8.9 | -11.8% | 45.6% | Theo dõi chờ giải ngân |
| BSI | 29.20 | 25-26 | 32-33 | 24 | 35.8 | -13.6% | 17.3% | Theo dõi chờ giải ngân |
| SKG | 19.35 | 17-18 | 22-23 | 16 | 18.1 | 39.8% | 235.1% | Theo dõi chờ giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|-------------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|
| 3/9/2023 | CSV | 30.35 | 27.40 | 34-36 | 29.5 | 10.77% | Nắm giữ |
| 30/3/2023 | BVS | 22.70 | 18.00 | 24-26 | 20.5 | 26.11% | Nắm giữ |
| 31/3/2023 | PTB | 46.15 | 42.00 | 50-52 | 43 | 9.88% | Nắm giữ |
| 19/4/2023 | BMP | 82.80 | 63.90 | 80-83 | 78 | 29.58% | Nắm giữ |
| 28/4/2023 | PVS | 26.10 | 25.10 | 29-30 | 25 | 3.98% | Nắm giữ |
| 5/5/2023 | ITC | 11.00 | 9.08 | 12-12.5 | 9.8 | 21.15% | Nắm giữ |
| 5/8/2023 | PVT | 20.95 | 20.45 | 26-27 | 20 | 2.44% | Nắm giữ |
| 9/5/2023 | VOS | 11.20 | 11.00 | 14.5-15.5 | 10 | 1.82% | Nắm giữ |
| 5/11/2023 | PVP | 12.90 | 12.75 | 18-18.5 | 11 | 1.18% | Giải ngân giá 12.75 |



TIN VĨ MÔ

Lãi suất cho vay mua nhà ở xã hội qua Ngân hàng Chính sách xã hội là 4.8%/năm

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định 486/QĐ-TTg ngày 10/5/2023 về mức lãi suất cho vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng đối với các khoản vay có dư nợ để mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nhà để ở. Cụ thể, mức lãi suất cho vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng đối với các khoản vay nói trên là 4.8%/năm.

Standard Chartered hạ dự báo tăng trưởng GDP 2023 của Việt Nam xuống 6.5%

Trong báo cáo cập nhật kinh tế vĩ mô gần đây về Việt Nam, Ngân hàng Standard Chartered hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam xuống 6.5% từ mức 7.2% trước đó. Các yếu tố tác động từ bên ngoài được cân nhắc xem xét thận trọng hơn.

Đường tăng giá, nhà máy hồi sinh

Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam, giá đường thế giới đang tăng khá mạnh, đây được xem là giá cao nhất trong thập kỷ qua. Giá đường thế giới tăng cũng giúp giá đường trong nước tăng theo. Một số nhà máy đường trước đây tạm ngưng sản xuất vì thua lỗ nay đã bắt tay vào hoạt động trở lại.

Giá xăng giảm mạnh lần thứ ba liên tiếp

Theo điều chỉnh của liên Bộ, các mặt hàng xăng, dầu đồng loạt giảm, từ 15h. Đây là lần hạ giá thứ ba liên tiếp từ cuối tháng 4, đưa giá xăng về ngang mức đầu tháng 10/2022. Theo đó, mỗi lít xăng giảm 1.300-1.320 đồng về 21.000 đồng; các mặt hàng dầu cũng hạ 550-640 đồng.

Tài khoản chứng khoán mở mới thấp nhất ba năm

Theo số liệu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), nhà đầu tư trong và ngoài nước đã đăng ký hơn 22.700 tài khoản chứng khoán mới trong tháng 4 - tháng giảm thứ ba liên tiếp và cũng là mức thấp nhất trong hơn ba năm qua.

Lạm phát Trung Quốc thấp nhất 2 năm

Cơ quan Thống kê Quốc gia Trung Quốc vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 của nước này chỉ tăng 0,1% so với cùng kỳ năm ngoái, cho thấy nhu cầu nội địa vẫn yếu. Đây là tốc độ chậm nhất kể từ tháng 2/2021. Hai tháng trước đó, lạm phát Trung Quốc lần lượt là 1% và 0,7%. Mục tiêu lạm phát của Trung Quốc năm nay là 3%. Năm ngoái, mức tăng CPI là 2%.

Mỹ: CPI tăng 4,9% trong tháng 4

Theo dữ liệu từ Cục Thống kê Lao động (BLS) hôm nay (10/5), chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ trong tháng 4 đã tăng 0,4% so với tháng trước và 4,9% so với năm trước, tăng chậm hơn so với dự kiến. Con số này cao hơn mức tăng 0,1% của tháng 3 so với tháng trước, nhưng chậm lại so với mức tăng 5% (so với năm trước) của tháng 3.



TIN DOANH NGHIỆP

VSH sắp chi gần 709 tỷ đồng chia cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 30%

CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (HOSE: VSH) thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 30% (1 cp được nhận 3,000 đồng). VSH hiện có hơn 236 triệu cp đang lưu hành. Với tỷ lệ 30%, ước tính VSH cần chi gần 709 tỷ đồng để trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông.

Doanh thu 4 tháng của PV Power vượt 10.4 ngàn tỷ đồng

Theo báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh, tháng 4, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power, HOSE: POW) ghi nhận doanh thu 2,629 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ và thực hiện 99% kế hoạch tháng. Lũy kế 4 tháng, tổng doanh thu đạt 10,421 tỷ đồng.

Foxconn sẽ xây nhà máy tại Nghệ An, tuyển dụng nhiều lao động lương tháng lên đến 20-25 triệu đồng

Theo Apple Insider, Foxconn, nhà cung cấp lớn nhất của Apple, đang mở rộng sản xuất tại Ấn Độ và Việt Nam. Một đơn vị khác của công ty này đang tiến hành mua quyền sử dụng đất tại Nghệ An. Khu đất này sẽ có diện tích lên tới 480.000m².

Tổng Giám đốc BCG đăng ký bán 6 triệu cp

Nhằm thu xếp tài chính cá nhân, ông Nguyễn Thế Tài – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (HOSE: BCG) đăng ký bán 6 triệu cp BCG từ ngày 15/05-13/06/2023. Kết phiên 10/05, giá cổ phiếu BCG dừng ở mức 8,950 đồng/cp, tăng 42% so với đầu năm.

ACV mời thầu đối với gói xây lắp hai tuyến giao thông kết nối sân bay Long Thành

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (UPCoM: ACV) đang tiến hành mời thầu đối với gói thầu thi công xây dựng và lắp thiết kế bản vẽ thi công công trình hệ thống giao thông kết nối tuyến số 1 và tuyến số 2 (gói thầu 6.12) đối với dự án thành phần 3 của sân bay Long Thành. Gói thầu 6.12 có tổng giá trị gần 2.8 ngàn tỷ đồng được mời thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi. Thời gian thực hiện gói thầu là 915 ngày.

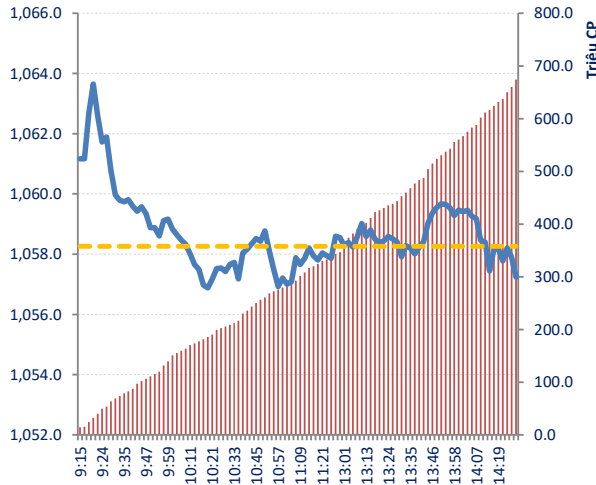
Hòa Phát muốn đầu tư 120 ngàn tỷ đồng vào Phú Yên

Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) đề xuất đầu tư 4 dự án tại Khu kinh tế Nam Phú Yên gồm: Dự án kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Hòa Tâm; Dự án cảng Bãi Gốc; Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát tại khu công nghiệp Hòa Tâm và Dự án Khu thương mại - Dịch vụ, tổng vốn đầu tư là khoảng 120 nghìn tỷ đồng.

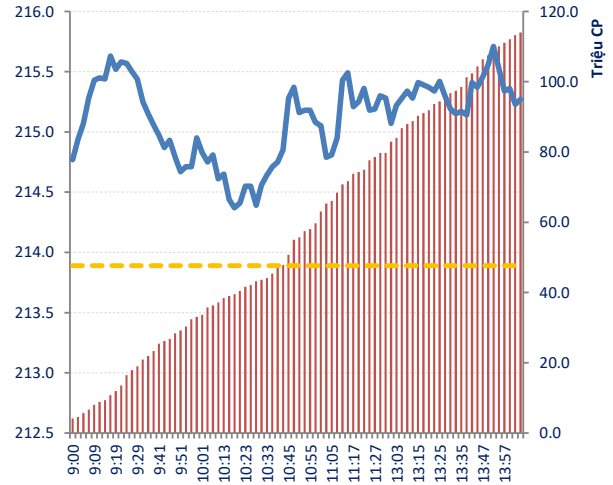


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

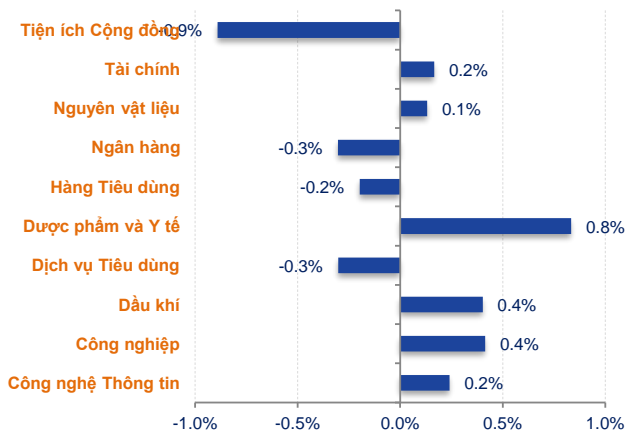
KLGD và VN-Index trong phiên



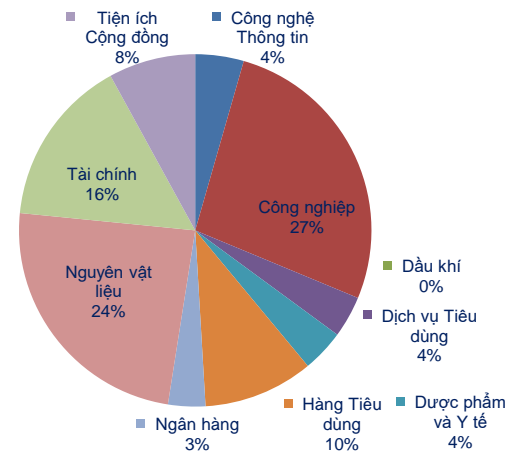
KLGD và HNX-Index trong phiên



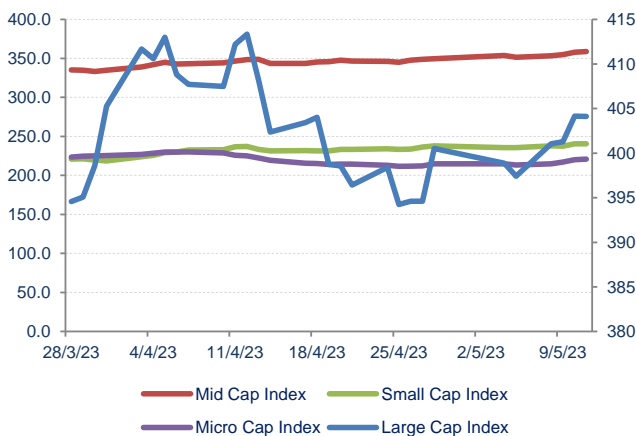
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



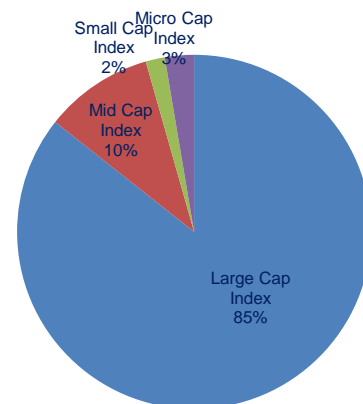
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|----------|-------------|
| 1 | VND | 4,636,600 | TV2 | 630,700 |
| 2 | SSI | 2,833,500 | HHV | 600,000 |
| 3 | STB | 1,402,200 | FUESSVFL | 580,100 |
| 4 | DXG | 1,295,400 | NLG | 542,000 |
| 5 | VRE | 979,700 | DPM | 452,100 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | TNG | 611,780 | PVS | 201,000 |
| 2 | MBS | 348,900 | VCS | 135,300 |
| 3 | DTD | 320,700 | IDC | 49,700 |
| 4 | DDG | 80,000 | ICG | 32,100 |
| 5 | CEO | 78,120 | PGN | 20,945 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| DIG | 19.15 | 20.45 | ↑ 6.79% | 35,770,300 |
| DXG | 14.30 | 14.50 | ↑ 1.40% | 26,928,400 |
| VND | 15.30 | 15.55 | ↑ 1.63% | 23,964,800 |
| LPB | 14.05 | 13.85 | ↓ -1.42% | 23,946,900 |
| GEX | 14.00 | 14.45 | ↑ 3.21% | 23,217,100 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHS | 11.10 | 11.00 | ↓ -0.90% | 24,187,653 |
| CEO | 25.60 | 26.90 | ↑ 5.08% | 16,058,662 |
| PVS | 26.00 | 26.10 | ↑ 0.38% | 6,300,136 |
| TVC | 5.80 | 6.30 | ↑ 8.62% | 4,868,550 |
| DNP | 23.20 | 23.20 | → 0.00% | 4,774,642 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| EVG | 4.00 | 4.28 | 0.28 | ↑ 7.00% |
| HQC | 4.58 | 4.90 | 0.32 | ↑ 6.99% |
| QCG | 4.59 | 4.91 | 0.32 | ↑ 6.97% |
| CLW | 28.70 | 30.70 | 2.00 | ↑ 6.97% |
| SMA | 7.06 | 7.55 | 0.49 | ↑ 6.94% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| TMX | 9.80 | 10.70 | 0.90 | ↑ 9.18% |
| DDG | 6.60 | 7.20 | 0.60 | ↑ 9.09% |
| NSH | 4.50 | 4.90 | 0.40 | ↑ 8.89% |
| ITQ | 2.30 | 2.50 | 0.20 | ↑ 8.70% |
| KKC | 4.60 | 5.00 | 0.40 | ↑ 8.70% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| DHM | 9.10 | 8.47 | -0.63 | ↓ -6.92% |
| ABR | 16.00 | 14.90 | -1.10 | ↓ -6.88% |
| SVC | 36.50 | 34.65 | -1.85 | ↓ -5.07% |
| DAG | 5.30 | 5.04 | -0.26 | ↓ -4.91% |
| TGG | 3.96 | 3.77 | -0.19 | ↓ -4.80% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| TTT | 50.60 | 45.60 | -5.00 | ↓ -9.88% |
| KSV | 28.50 | 25.70 | -2.80 | ↓ -9.82% |
| HHC | 82.00 | 74.00 | -8.00 | ↓ -9.76% |
| VCM | 17.60 | 15.90 | -1.70 | ↓ -9.66% |
| AMC | 19.80 | 18.00 | -1.80 | ↓ -9.09% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| DIG | 35,770,300 | 1.9% | 236 | 81.0 | 1.5 |
| DXG | 26,928,400 | 1.6% | 354 | 40.3 | 0.6 |
| VND | 23,964,800 | 10.0% | 1,095 | 14.0 | 1.3 |
| LPB | 23,946,900 | 22.1% | 2,825 | 5.0 | 1.0 |
| GEX | 23,217,100 | 1.8% | 434 | 32.3 | 0.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|--------|---------|-------|-----|
| SHS | 24,187,653 | 2.1% | 224 | 49.5 | 0.9 |
| CEO | 16,058,662 | 7.7% | 1,084 | 23.6 | 1.8 |
| PVS | 6,300,136 | 6.9% | 1,849 | 14.1 | 0.9 |
| TVC | 4,868,550 | -15.2% | (2,883) | - | 0.3 |
| DNP | 4,774,642 | 0.1% | 37 | 628.9 | 0.6 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| EVG | ↑ 7.0% | 1.2% | 120 | 33.4 | 0.3 |
| HQC | ↑ 7.0% | 0.4% | 39 | 116.1 | 0.5 |
| QCG | ↑ 7.0% | 0.5% | 82 | 55.7 | 0.3 |
| CLW | ↑ 7.0% | 12.8% | 2,317 | 12.4 | 1.4 |
| SMA | ↑ 6.9% | 13.7% | 1,445 | 4.9 | 0.6 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| TMX | ↑ 9.2% | 6.0% | 957 | 10.2 | 0.6 |
| DDG | ↑ 9.1% | 5.9% | 762 | 8.7 | 0.5 |
| NSH | ↑ 8.9% | 1.5% | 165 | 27.3 | 0.4 |
| ITQ | ↑ 8.7% | -5.9% | (572) | - | 0.2 |
| KKC | ↑ 8.7% | -56.3% | (6,296) | - | 0.6 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| VND | 4,636,600 | 10.0% | 1,095 | 14.0 | 1.3 |
| SSI | 2,833,500 | 9.3% | 1,365 | 16.5 | 1.5 |
| STB | 1,402,200 | 13.8% | 2,674 | 9.9 | 1.2 |
| DXG | 1,295,400 | 1.6% | 354 | 40.3 | 0.6 |
| VRE | 979,700 | 8.7% | 1,222 | 22.8 | 1.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| TNG | 611,780 | 18.8% | 2,880 | 6.8 | 1.2 |
| MBS | 348,900 | 13.0% | 1,531 | 11.4 | 1.4 |
| DTD | 320,700 | 12.2% | 2,799 | 9.7 | 1.0 |
| DDG | 80,000 | 5.9% | 762 | 8.7 | 0.5 |
| CEO | 78,120 | 7.7% | 1,084 | 23.6 | 1.8 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 435,392 | 24.4% | 6,318 | 14.6 | 3.0 |
| BID | 227,634 | 19.1% | 3,590 | 12.5 | 2.1 |
| VHM | 214,888 | 20.6% | 6,621 | 7.5 | 1.3 |
| VIC | 192,985 | 5.9% | 2,270 | 22.3 | 1.4 |
| GAS | 178,380 | 26.1% | 7,732 | 12.1 | 2.8 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| THD | 13,965 | 4.2% | 697 | 57.2 | 2.3 |
| IDC | 13,200 | 31.7% | 5,356 | 7.5 | 2.1 |
| PVS | 12,427 | 6.9% | 1,849 | 14.1 | 0.9 |
| KSF | 12,180 | 5.6% | 1,224 | 33.2 | 1.8 |
| PVI | 11,501 | 0.5% | 168 | 293.1 | 1.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|------|-----|---------|-----|
| DRH | 2.97 | 0.0% | 1 | 8,816.6 | 0.4 |
| DXG | 2.88 | 1.6% | 354 | 40.3 | 0.6 |
| LDG | 2.63 | 0.1% | 16 | 281.3 | 0.4 |
| TDC | 2.61 | 2.4% | 301 | 36.7 | 0.9 |
| BCG | 2.59 | 3.2% | 680 | 13.2 | 0.3 |

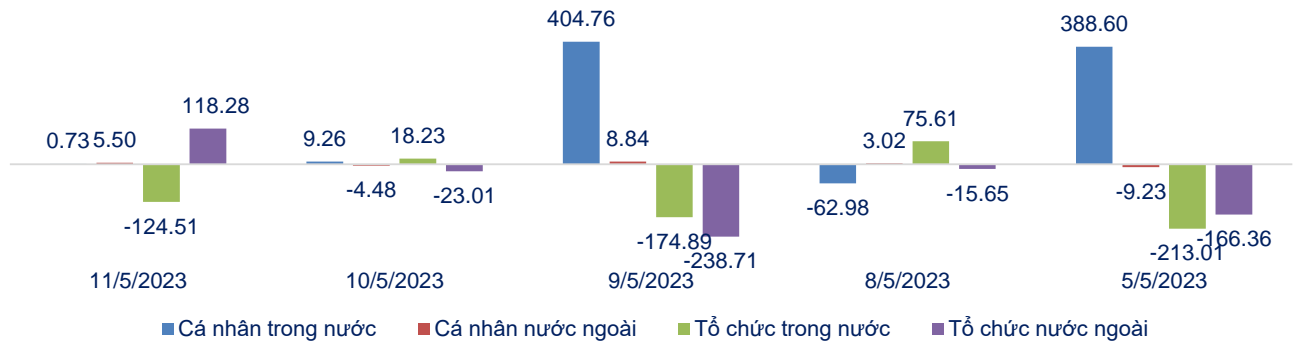
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| L14 | 4.56 | 3.3% | 615 | 82.7 | 3.9 |
| API | 4.27 | 13.2% | 1,410 | 10.6 | 1.3 |
| APS | 4.06 | -37.9% | (5,410) | - | 1.2 |
| CEO | 3.75 | 7.7% | 1,084 | 23.6 | 1.8 |
| IDJ | 3.73 | 10.1% | 890 | 16.7 | 1.3 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VCG | 88.38 | 8.9% | 1,610 | 12.2 | 1.0 |
| GAS | 19.78 | 26.1% | 7,732 | 12.1 | 2.8 |
| NVL | 18.78 | 5.3% | 1,164 | 11.4 | 0.6 |
| CTD | 18.71 | 0.3% | 280 | 206.9 | 0.6 |
| TV2 | 16.42 | 3.9% | 783 | 34.2 | 1.3 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | -78.27 | 9.3% | 1,365 | 16.5 | 1.5 |
| VND | -71.35 | 10.0% | 1,095 | 14.0 | 1.3 |
| HPG | -41.88 | 9.1% | 1,459 | 14.9 | 1.3 |
| VRE | -33.69 | 8.7% | 1,222 | 22.8 | 1.9 |
| DXG | -30.32 | 1.6% | 354 | 40.3 | 0.6 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| HPG | 8.89 | 9.1% | 1,459 | 14.9 | 1.3 |
| SSI | 2.48 | 9.3% | 1,365 | 16.5 | 1.5 |
| VND | 1.54 | 10.0% | 1,095 | 14.0 | 1.3 |
| SAB | 0.77 | 22.1% | 8,146 | 20.3 | 4.1 |
| VJC | 0.71 | -14.3% | (4,177) | - | 3.5 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DIG | -5.63 | 1.9% | 236 | 81.0 | 1.5 |
| NKG | -1.41 | -2.3% | (474) | - | 0.8 |
| HCM | -0.77 | 11.2% | 1,864 | 13.7 | 1.5 |
| VNE | -0.65 | 1.4% | 176 | 59.9 | 0.9 |
| VRE | -0.58 | 8.7% | 1,222 | 22.8 | 1.9 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 27.44 | 9.1% | 1,459 | 14.9 | 1.3 |
| DIG | 16.72 | 1.9% | 236 | 81.0 | 1.5 |
| SSI | 14.01 | 9.3% | 1,365 | 16.5 | 1.5 |
| DXG | 11.45 | 1.6% | 354 | 40.3 | 0.6 |
| CTG | 9.94 | 16.6% | 3,491 | 8.1 | 1.2 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCG | -88.67 | 8.9% | 1,610 | 12.2 | 1.0 |
| STB | -24.26 | 13.8% | 2,674 | 9.9 | 1.2 |
| NVL | -17.85 | 5.3% | 1,164 | 11.4 | 0.6 |
| KDH | -14.38 | 10.0% | 1,550 | 19.2 | 1.8 |
| GEG | -14.01 | 6.7% | 976 | 16.4 | 1.1 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VND | 70.73 | 10.0% | 1,095 | 14.0 | 1.3 |
| SSI | 61.78 | 9.3% | 1,365 | 16.5 | 1.5 |
| STB | 37.44 | 13.8% | 2,674 | 9.9 | 1.2 |
| VRE | 27.96 | 8.7% | 1,222 | 22.8 | 1.9 |
| HDG | 21.58 | 18.4% | 4,492 | 7.7 | 1.2 |

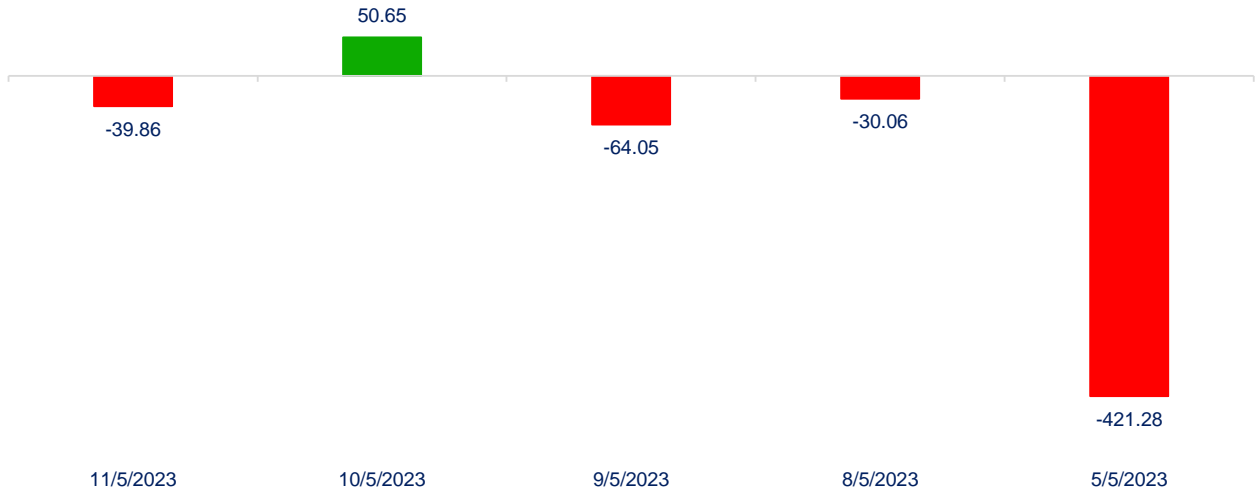
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| NLG | -18.32 | 4.1% | 1,452 | 23.3 | 1.0 |
| TV2 | -16.68 | 3.9% | 783 | 34.2 | 1.3 |
| VCB | -15.55 | 24.4% | 6,318 | 14.6 | 3.0 |
| DPM | -15.28 | 45.0% | 14,220 | 2.3 | 1.0 |
| DHC | -14.61 | 22.0% | 4,714 | 8.4 | 1.7 |

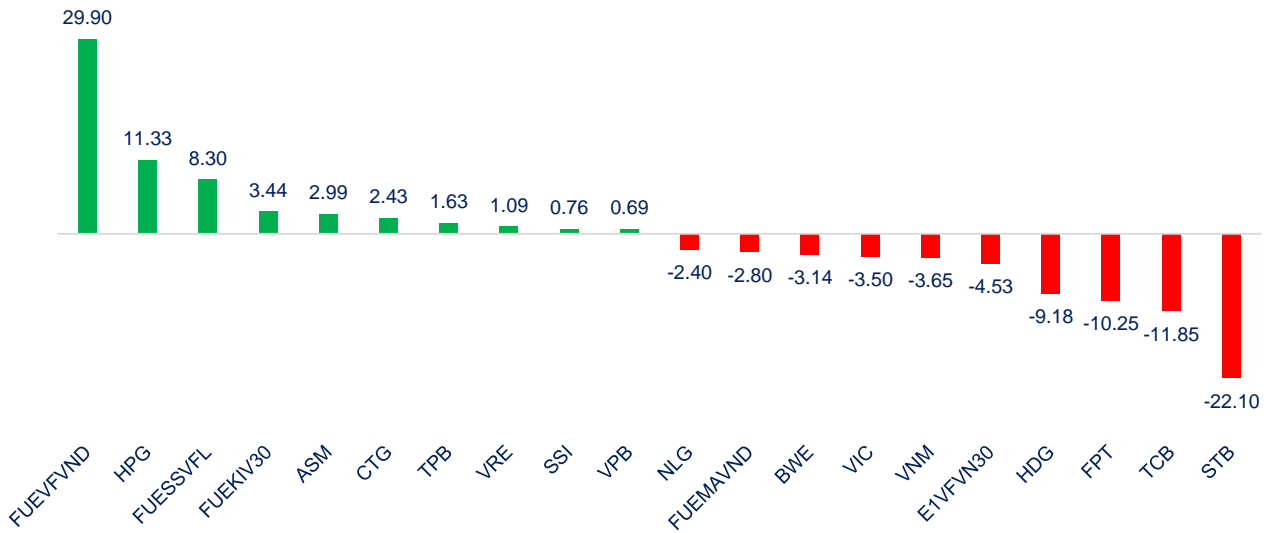


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn